ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 193/QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 26 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đơn giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì các tuyến đường đô thị trên địa bàn huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26/5/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 39/2020/TT-BGTVT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn phương pháp xây dựng phương án giá, quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và dịch vụ vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách trung ương khi thực hiện phương thức đặt hàng;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành định mức quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quy trình lập, thẩm định phương án giá, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, thẩm định phương

án giá; phân cấp quản lý giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Văn bản số 4976/UBND-ĐTXD ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xử lý vướng mắc tại Văn bản số 2141/SXD-GĐXD của Sở Xây dựng;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 972/TTr-SXD ngày 11/5/2023; ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Văn bản số 977/STC-QLGCS&TCDN ngày 05/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đơn giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì các tuyến đường đô thị trên địa bàn huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, năm 2023 như sau:

1. Tên dịch vụ: Dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì các tuyến đường đô thị trên địa bàn huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, năm 2023 .

2. Địa điểm thực hiện: Huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

3. Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước.

4. Thời gian thực hiện: Năm 2023.

5. Đơn vị quản lý: Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa.

6. Mục tiêu thực hiện: Bảo vệ, duy trì khả năng khai thác của các tuyến đường đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt.

7. Đơn giá phê duyệt: Chi tiết theo biểu dưới đây.

STT	Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Đơn giá (đồng)
1	QLD.10120	Tuần đường	km/tháng	377.682
2	QLD.10410	Trực bão lũ	km/năm	1.202.399
3	QLD.10630	Quản lý hành lang an toàn đường bộ và đấu nối - miền núi	km/ năm	322.784
4	BDD.22310	Nắn sửa cọc tiêu, cọc MLG, cột thủy chí…	cọc	13.921
5	BDD.22410	Nắn sửa cột Km	cột	27.841
6	BDD.22510	Nắn chỉnh, tu sửa biển báo	cột	50.116
7	BDD.22610	Thay thế, bổ sung cột biển báo	cột	1.082.743

STT	Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Đơn giá (đồng)
8	BDD.20520	Phát quang cây cỏ bằng thủ công	km/ lần	3.062.569
9	BDD.20430	Cắt cỏ bằng máy	km/ lần	38.211
10	BDD.21312	Vệ sinh mặt đường bằng thủ công	lần/km	1.045.807
11	BDD.203110	Bạt lề đường bằng thủ công	m	5.012
12	BDD.206222	Vét rãnh hở chữ nhật bằng thủ công	m	5.410
13	BDD.206121	Vét rãnh hở hình thang bằng máy	m	7.121
14	BDD.21110	Thông cống, thanh thải dòng chảy (cống f >=1m)	m	54.569
15	BDD.21120	Thông cống, thanh thải dòng chảy (cống f <=1m)	m	46.497
16	BDD.21417	Láng nhựa mặt đường rạn chân chim, mặt đường bong tróc, Láng nhựa một lớp, nhựa 1,5 kg/m2, tưới nhựa bằng thủ công	m2	59.084
17	BDD.21423	Láng nhựa mặt đường rạn chân chim, mặt đường bong tróc, Láng nhựa 2 lớp, nhựa 3 kg/m2, tưới nhựa bằng thủ công	m2	113.454
18	BDD.22010	Sơn biển báo, cột biển báo 2 nước	m2	44.656
19	BDD.22120	Sơn cột Km	m2	174.318
20	BDD.22210	Sơn cọc tiêu, cọc MLG, cột thủy chí…	m2	187.956
21	BDD.21644	Vá ổ gà, cóc gặm, lún cục bộ mặt đường bằng đá dăm nhựa, Chiều dày mặt đường đã lèn ép 7cm	m2	246.338
22	BDD.20110	Đắp phụ nền, lề đường	m3	597.598
23	BDD.202110	Đào hót đất sụt bằng thủ công	m3	125.287
24	BDD.20712	Vét rãnh kín bằng thủ công	m	10.850
25	BDD.21641	Vá ổ gà, cóc gặm, lún cục bộ mặt đường bằng đá dăm nhựa, Chiều dày mặt đường đã lèn ép 4cm	m2	215.829
26	BDD.21642	Vá ổ gà, cóc gặm, lún cục bộ mặt đường bằng đá dăm nhựa, Chiều dày mặt đường đã lèn ép 5cm	m2	225.775
27	BDD.21643	Vá ổ gà, cóc gặm, lún cục bộ mặt đường bằng đá dăm nhựa, Chiều dày mặt đường đã lèn ép 6cm	m2	234.104
28	AB.11323	Đào móng đất cấp III để xây rãnh, bằng thủ công	m3	503.098
29	AB.41413	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T, phạm vi ≤1000m - Cấp đất III	m3	31.358

STT	Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Đơn giá (đồng)
30	AF.11111	Bê tông lót móng rãnh, M150	m3	1.159.665
31	AF.11212	Bê tông móng rãnh, M200	m3	1.341.032
32	AE.31113	Xây thành rãnh bằng gạch không nung, M75	m3	2.049.097
33	AK.21123	Trát thành rãnh dày 1,5cm, XM M75	m2	133.407
34	AF.61511	Lắp dựng cốt thép mũ mố, tấm đan	kg	26.502
35	AF.12312	Bê tông mũ mố, tấm đan, M200	m3	1.968.331
36	AG.31311	Ván khuôn gỗ mũ mố, tấm đan	m2	115.104
37	AB.13111	Đắp đất hoàn mang K=0,9	m3	215.064
38	AB.27103	Đào móng rãnh thoát nước bằng máy đào 0,4m3 - Cấp đất III	m3	43.557
39	AB.27113	Đào móng rãnh thoát nước bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất III	m3	39.763

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Giao các sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải; Kho bạc nhà nước Tuyên Quang theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra và hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa thực hiện nội dung tại Quyết định này đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch UBND tỉnh; (báo cáo)
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTXD. (Ch)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Mạnh Tuấn